

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

Số: 268 /DNA-CĐVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 01 năm 2026

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ Phương án  
sửa chữa hệ thống chống sét tại các khu vực  
Nhà máy

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa hệ thống chống sét tại các khu vực Nhà máy. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (theo phụ lục đính kèm).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 28/01/2026.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: [dnacdv@gmail.com](mailto:dnacdv@gmail.com) đối với file điện tử.

**Lưu ý:** Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905.

Trân trọng!

**Nơi nhận:** 

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC** 



**Trần Tiến Dũng**

**Phụ lục 1:** Danh mục vật tư phục vụ phương án sửa chữa hệ thống chống sét tại các khu vực Nhà máy

CHỈ  
TẠ  
CÔNG  
- KHOẢN  
- CÔ  
ĐÃ  
Y. ĐẮK R

| STT | Tên vật tư                  | Quy cách/thông số kỹ thuật                                                                                         | Đối tượng/vị trí sử dụng                                      | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------|----------|---------|
| 11  | Khớp nối kim thu sét        | Ø16mm; dùng cho kim thu sét cổ điển                                                                                |                                                               | cái    | 14       |         |
| 12  | Khớp nối kim thu sét        | Dùng cho kim thu sét chủ động                                                                                      |                                                               | cái    | 10       |         |
| 13  | Kim thu sét tiên đạo        | Bán kính bảo vệ $R_p \geq 95m$ (tương ứng bảo vệ cấp I, $D=20m$ ); vật liệu thép không gỉ; $\Delta t \geq 60\mu s$ |                                                               | cái    | 5        |         |
| 14  | Kim thu sét                 | Loại kim thu sét cổ điển; vật liệu thép mạ đồng; chiều cao = 1,5 m                                                 |                                                               | Cái    | 7        |         |
| 15  | Kim thu sét                 | Loại kim thu sét cổ điển; vật liệu thép không gỉ SUS304; Chiều cao = 1,5 m                                         |                                                               | Cái    | 14       |         |
| 16  | Măng sông ren               | Dùng cho ống thép mạ kẽm Ø42.2x1.5x6000mm                                                                          |                                                               | cái    | 16       |         |
| 17  | Mối hàn hóa nhiệt           | Loại: Cadweld, thuốc hàn 115g hoặc tương đương                                                                     |                                                               | mối    | 20       |         |
| 18  | Ống nhựa                    | HDPE 25/32                                                                                                         |                                                               | mét    | 350      |         |
| 19  | Ống sợi thủy tinh cách điện | Ø60mm; chiều dài 2m/ống                                                                                            |                                                               | cái    | 5        |         |
| 20  | Ống thép                    | Ø42x3.2mm; thép mạ kẽm nhúng nóng                                                                                  |                                                               | mét    | 96       |         |
| 21  | Thép dẹt                    | Mạ kẽm nhúng nóng; kích thước 25x4mm                                                                               |                                                               | mét    | 450      |         |
| 22  | Thiết bị đếm sét            | Loại LSR2 hoặc tương đương; xung kích hoạt: 1,5kA 8/20µs; cấp bảo vệ: IP67                                         | Phương án sửa chữa hệ thống chống sét tại các khu vực Nhà máy | bộ     | 10       |         |
| 23  | Trụ bê tông ly tâm          | LT 14-190; Chiều cao 14m, đường kính ngọn trụ 190mm, đường kính đáy trụ 380mm                                      |                                                               | cái    | 5        |         |

| STT | Tên vật tư                             | Quy cách/thông số kỹ thuật                                                                                                                      | Đối tượng/vị trí sử dụng                                      | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------|----------|---------|
| 24  | Trụ đỡ kim thu sét gắn đầu trụ bê tông | Chiều cao =5m, vật liệu thép mạ kẽm nhúng nóng, độ dày: $\geq 3$ mm; Bao gồm phụ kiện lắp đặt đi kèm, kết cấu chụp đầu trụ gắn cột bê tông Ø190 |                                                               | bộ     | 5        |         |
| 25  | Trụ đỡ kim thu sét                     | Chiều cao =5m, vật liệu thép không gỉ SUS304;                                                                                                   | Phương án sửa chữa hệ thống chống sét tại các khu vực Nhà máy | bộ     | 19       |         |
| 26  | Băng cách điện                         | 0.12x19mmx20yds                                                                                                                                 | Vật tư phục vụ công tác sửa chữa                              | cuộn   | 10       |         |
| 27  | Bu lông                                | M10x60                                                                                                                                          |                                                               | bộ     | 560      |         |
| 28  | Cáp giăng máy khoan                    | D16                                                                                                                                             |                                                               | kg     | 262      |         |
| 29  | Cồn công nghiệp                        | Ethanol (C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH)                                                                                                      |                                                               | kg     | 5,4      |         |
| 30  | Đai khóa inox                          | Inox 304, bản rộng 12mm, chiều dài 1m                                                                                                           |                                                               | cái    | 20       |         |
| 31  | Dây thép                               | Ø3mm                                                                                                                                            |                                                               | kg     | 70       |         |
| 32  | Đinh                                   | 7cm                                                                                                                                             |                                                               | kg     | 28       |         |
| 33  | Giấy ráp                               | Loại PT100                                                                                                                                      |                                                               | tờ     | 22       |         |
| 34  | Que hàn                                | KT421                                                                                                                                           |                                                               | kg     | 78       |         |
| 35  | Sơn                                    | Loại sơn 2 thành phần, màu ghi                                                                                                                  |                                                               | kg     | 1        |         |
| 36  | Thép tròn                              | Ø12mm, mạ kẽm nhúng nóng                                                                                                                        |                                                               | kg     | 1385     |         |
| 37  | Giẻ lau                                | Vải cotton                                                                                                                                      |                                                               | kg     | 38       |         |

CT.1  
AN  
NAM  
M  
V  
K NÔNG

**Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá**

| STT | Tên vật tư            | Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm | Nhà sản xuất | Xuất xứ | Thời gian bảo hành | Thời gian, tiến độ cung cấp | Giấy tờ kèm theo | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------|--------------|---------|--------------------|-----------------------------|------------------|-------------|----------|---------|------------|---------|
| (1) | (2)                   | (3)                                  | (4)          | (5)     | (6)                | (7)                         | (8)              | (9)         | (10)     | (11)    | (12)       | (13)    |
| 1   |                       |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
| 2   |                       |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
| 3   |                       |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Tổng cộng trước thuế: |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Thuế GTGT:            |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Tổng cộng sau thuế:   |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | Bằng chữ:.....        |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |

***Yêu cầu khác:*** Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.

